

TRƯỜNG THPT GIO LINH	ĐỀ THI THỬ THPT QG MÔN: NGỮ VĂN NĂM HỌC: 2021 (Thời gian làm bài: 120 phút)
-----------------------------	--

ĐỀ SỐ 1**I. ĐỌC HIỂU**

Đọc đoạn văn sau rồi trả lời câu hỏi nêu ở dưới:

“Không ai biết trước được tương lai. Bạn chỉ có thể tạo ra tương lai”.

Jack Ma đã nói câu đó khi nhìn lại vụ bán 40% cổ phần Alibaba cho Yahoo của Jerry Yang vào năm 2005. Thời đó, Alipay và Taobao của Jack đều đang lỗ, còn Yahoo của Jerry thì chỉ có tài sản khoảng 3 tỷ USD, và ít người nghĩ ông sẽ ném tới 1 tỷ vào Alibaba. Nhưng họ đã bắt tay, để quyết tâm đánh bại gã khổng lồ eBay trên thị trường Trung Quốc.

Bạn sẽ dễ dàng bắt gặp những câu chuyện như thế về các doanh nhân thành công, những người đã đưa ra các quyết định long trời lở đất vào lúc không ai nghĩ đến, để rồi trở thành huyền thoại.

Có một nghịch lý ở các nhân vật như Jack Ma hay Jerry Yang. Đó là người đời rất hay trông vào các lời khuyên của họ (thậm chí đưa nó vào các giáo trình kinh tế trong nhà trường), in đời họ thành sách gối đầu giường. Trong khi, chính bản thân họ luôn là những người đưa ra các quyết định phi quy luật. Họ thành công vì chối bỏ chủ nghĩa kinh nghiệm, vì không tin vào các giá trị cũ, và luôn tìm cách tạo ra cái mới. Nói như câu châm ngôn kinh điển của Steve Jobs: “Hãy đói khát, hãy khờ dại”.

(Trích Bài học của Jack Ma, Đức Hoàng, <https://vnexpress.net/tin-tuc/goc-nhin/bai-hoc-cua-jack-ma3665992.html>)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên?

Câu 2: Từ câu chuyện cuộc đời của nhà tỷ phú Jack Ma, tác giả bài viết đã rút ra bài học gì?

Câu 3: Tại sao Jack Ma lại cho rằng: “Không ai biết trước được tương lai. Bạn chỉ có thể tạo ra tương lai”?

Câu 4: Bạn sẽ dễ dàng bắt gặp những câu chuyện như thế về các doanh nhân thành công, những người đã tạo ra các quyết định long trời lở đất vào lúc không ai nghĩ đến, để rồi trở thành huyền thoại. Anh/chị hãy nêu thêm tên và tóm tắt về cuộc đời của một tấm gương nổi tiếng khác (trong hoặc ngoài lĩnh vực kinh doanh) cũng thành đạt theo cách thức được nêu trong đoạn văn trên.

II. LÀM VĂN

Câu 1:

Anh/chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 từ trình bày suy nghĩ của mình về nguyên nhân thành công được nêu trong văn bản ở phần Đọc hiểu:

Họ thành công vì chối bỏ chủ nghĩa kinh nghiệm, vì không tin vào các giá trị cũ và luôn tìm cách tạo ra cái mới.

Câu 2:

Nhận xét về Tây Tiến của Quang Dũng, Hoài Thanh đã từng nói đại ý rằng: đó là một trong những tác phẩm mang vẻ buồn rớt, mộng rớt phảng phất hơi Thơ mới.

Anh/chị hiểu ý kiến trên như thế nào? Theo anh/chị, đó là sự thành công hay thất bại của tác phẩm? Hãy phân tích đoạn thơ sau để làm rõ quan điểm của mình:

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc

Quân xanh màu lá dữ oai hùm

Mắt trừng gửi mộng qua biên giới

Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm

Rải rác biên cương mồ viễn xứ

Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh

Áo bào thay chiếu anh về đất

Sông Mã gầm lên khúc độc hành

(Trích Tây Tiến – Quang Dũng)

---- HẾT ----

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 1**I. ĐỌC HIỂU****Câu 1:**

- Phương thức biểu đạt chính: nghị luận.

Câu 2:

- Tác giả đã rút ra bài học về sự thành công trong cuộc sống: Họ thành công vì chối bỏ chủ nghĩa kinh nghiệm, vì không tin vào các giá trị cũ, và luôn tìm cách tạo ra cái mới. Thành công bắt nguồn từ sự sáng tạo, luôn luôn tìm những con đường mới để đi.

Câu 3:

- Ông nói như vậy bởi chính cuộc đời ông cũng từng trải qua như thế, những thương vụ làm ăn, đặc biệt là vụ bán 40% cổ phần Alibaba cho Yahoo của Jerry Yang vào năm 2005. Thời đó, Alipay và Taobao của Jack đều đang lỗ, còn Yahoo của Jerry thì chỉ có tài sản khoảng 3 tỷ USD. Họ đã bắt tay nhau cùng thực hiện với mong muốn đánh đổ gã khổng lồ eBay trên thị trường Trung Quốc. Ông đã thành công, sự thành công này ông không biết trước, nhưng để có được sự thành công đó Jack Ma đã phải chuẩn bị nó từ ngày hôm nay, chuẩn bị sự liều lĩnh, táo bạo, dám chấp nhận rủi ro, thách thức.

Câu 4:

- Nguyễn Sinh Cung (Chủ tịch Hồ Chí Minh) quê ở xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Người sinh ra trong một gia đình: Bố là một nhà nho yêu nước, nguồn gốc nông dân; mẹ là nông dân; chị và anh đều tham gia chống Pháp và bị tù đầy.

- Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, đất nước ta đắm chìm trong đêm trường nô lệ. Với ách đô hộ của thực dân Pháp, chúng đã biến nước ta thành nước thuộc địa nửa phong kiến. Phân tích con đường cứu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh nhận thấy những hạn chế (Phan Bội Châu dựa vào Nhật để đánh Pháp thì khác gì "đuôi hổ cửa trước rước beo cửa sau", Phan Châu Trinh đề nghị Pháp cải cách thì chẳng khác gì "xin giặc rủ lòng thương"). Trước thực tế ấy, anh thanh niên Nguyễn Tất Thành, người con xứ Nghệ, mới 21 tuổi, đã quyết định ra đi tìm đường cứu nước. Tìm hướng đi riêng so với các vị tiền bối đi trước, xem xét và nhận định tình hình chính xác đã giúp Bác tìm được con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc. Với sự lãnh đạo của Bác, nhân dân Việt Nam đã đập tan các ách đô hộ, thành lập nên nhà nước riêng, độc lập, tự do.

- Tiểu sử:

- + Hồ Chí Minh (1890 – 1969) tên khai sinh là Nguyễn Sinh Cung, sau đổi thành Nguyễn Tất Thành.
- + Quê quán: làng Kim Liên (làng Sen), nay thuộc xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.
- + Thời trẻ, Người học chữ Hán ở nhà, sau đó học tại trường Quốc học Huế, và có một thời gian ngắn dạy học ở trường Dục Thanh – một trường học của tổ chức yêu nước ở Phan Thiết (thuộc tỉnh Bình Thuận).
- + Năm 1911, Người ra nước ngoài tìm đường cứu nước.
- + Năm 1919, Người gửi tới Hội nghị hòa bình ở Véc-xay (Pháp) bản Yêu sách của nhân dân An Nam, kí tên Nguyễn Ái Quốc.
- + Năm 1920, Người dự Đại hội Tua và trở thành một trong những thành viên sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

+ Từ 1923 đến 1941, Nguyễn Ái Quốc hoạt động chủ yếu ở Liên Xô, Trung Quốc và Thái Lan. Người tham gia thành lập nhiều tổ chức cách mạng như Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội (1925), Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông (1925) và chủ trì hội nghị thống nhất các tổ chức cộng sản ở trong nước tại Hương Cảng (Hong Kong) thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930).

+ Tháng 2 – 1941, Người về nước, trực tiếp lãnh đạo phong trào trong nước.

+ Năm 1942, Người bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giữ và giam cầm trong vòng 13 tháng.

+ Sau khi ra tù, Người tiếp tục lãnh đạo cách mạng.

+ Ngày 2 – 9 – 1945, Người đọc bản Tuyên ngôn Độc lập tại quảng trường Ba Đình – Hà Nội.

+ Năm 1946, trong phiên họp đầu tiên của Quốc hội, Người được bầu làm Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và giữ chức vụ đó cho tới khi từ trần (2 – 9 – 1969).

=> Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà yêu nước và nhà cách mạng vĩ đại của dân tộc. Người được UNESCO công nhận là Danh nhân văn hóa thế giới.

II. LÀM VĂN

Câu 1:

*Giới thiệu vấn đề.

*Giải thích vấn đề.

“Họ thành công vì chối bỏ chủ nghĩa kinh nghiệm, vì không tin vào các giá trị cũ và luôn tìm cách tạo ra cái mới”

⇒ Nhận định đã cho thấy sự thành công của mỗi người quyết định bởi tính năng động, sáng tạo, không ngừng tìm tòi, khám phá để tạo ra những cái mới.

* Bàn luận vấn đề

_ Biểu hiện của tính năng động, sáng tạo:

+ Người có tính năng động dám nghĩ, dám làm, mạnh mẽ và quyết đoán trong việc làm. Họ không chờ đợi may mắn mà tự mình tìm kiếm lấy nó thông qua công việc. Họ luôn là người khởi đầu tiên phong trong mọi công việc.

+ Luôn tìm những con đường mới, cách làm, cách suy nghĩ mới mẻ, không chịu đi trên con đường mòn, con đường có sẵn.

- Vì sao sáng tạo mới có thể thành công?

+ Sáng tạo là phẩm chất cần thiết cho con người hiện đại, giúp con người vượt qua những trở ngại để nhanh chóng đến thành công.

+ Thế giới hiện đại liên tục thay đổi, nếu không sáng tạo con người sẽ bị tụt hậu.

+ Sáng tạo tạo ra những giá trị mới, khiến mỗi chúng ta nhanh nhạy hơn, ứng biến kịp thời trước mọi sự thay đổi, sẵn sàng đối mặt với mọi khó khăn.

- Rèn luyện sự sáng tạo như thế nào?

+ Cởi mở và theo đuổi nhiều sở thích cùng trải nghiệm mới thì cơ hội nảy sinh các ý tưởng sáng tạo càng cao.

+ Hãy hành động, bởi chỉ khi hành động tư duy, ý chí con người mới được vận hành hết công suất và chỉ khi ấy mới có sự sáng tạo.

+ Phá vỡ các nguyên tắc, không đi theo lối mòn, nhìn nhận vấn đề theo một con đường mới.

+ Sẵn sàng dân thân, không ngại thách thức.

* Liên hệ bản thân.

Câu 2:

1. Giới thiệu về tác giả Quang Dũng, bài thơ Tây Tiến và ý kiến nhận xét của Hoài Thanh

- Quang Dũng là cây bút xuất sắc của văn học Việt Nam hiện đại. Đồng thời, ông cũng là gương mặt tiêu biểu của thơ ca thời kì chống Pháp. Quang Dũng là nghệ sĩ đa tài với hồn thơ phóng khoáng, hồn hậu, lãng mạn và tài hoa.

- Tây Tiến là bài thơ tiêu biểu của Quang Dũng và là bài thơ xuất sắc viết về người lính thời chống Pháp với bút pháp lãng mạn, tài hoa.

- Nhận xét về Tây Tiến của Quang Dũng, Hoài Thanh đã từng nói đại ý rằng: đó là một trong những tác phẩm mang vẻ buồn rớt, mộng rớt phảng phất hơi Thơ mới.

- Đoạn trích trên là một trong những đoạn trích tiêu biểu trong tác phẩm Tây Tiến.

2. Phân tích

2.1 Giải thích ý kiến của Hoài Thanh

- Thơ Mới là cách gọi trào lưu sáng tác phi cổ điển, chịu ảnh hưởng các phép tắc tu từ, thanh vận của thơ hiện đại phương Tây. Trào lưu này xuất hiện trong văn học Việt Nam từ những năm 1932 – 1945.

- Khuynh hướng của thời kì Thơ mới những năm 1932 – 1945 là khuynh hướng lãng mạn, là lý tưởng thẩm mỹ cái “tôi” của tác giả, thẩm mỹ hóa cuộc sống rối ren, tơi bời của xã hội nửa thực dân, nửa phong kiến và

là tâm trạng buồn sầu, ưu uất, lạc lõng giữa vòng đời. Cái sầu trong Thơ mới gói ghém trong ba cái sầu cơ bản: sầu nhân thế - sầu thời thế - sầu thân thế. Cái sầu này là cái sầu của tầng lớp tiểu tư sản trước những đổi thay của lịch sử. Bút pháp lãng mạn là bút pháp chủ đạo được các thi nhân sử dụng trong trào lưu văn học này.

=> Ý kiến của Hoài Thanh có thể hiểu là: Tây Tiến cũng được viết theo bút pháp lãng mạn, có ẩn chứa cái buồn của tầng lớp tiểu tư sản.

=> Nhận định của Hoài Thanh là nhận định đúng bởi Quang Dũng cũng xuất thân từ tầng lớp tiểu tư sản, ông là trí thức Hà Thành, ít nhiều ảnh hưởng của Thơ mới. Tuy nhiên nhận định trên chưa đủ bởi cái sầu trong Tây Tiến còn mang tính chất bi tráng, sầu đó nhưng không lụy mà ẩn chứa chất anh hùng của những người lính Tây Tiến. Chính chất lãng mạn vương rớt của Thơ mới đã làm cho thi phẩm trở nên xuất sắc hơn.

2.2. Phân tích khổ thơ làm sáng tỏ ý kiến cá nhân

a) Ngoại hình (bi thương): được khắc hoạ bằng một nét vẽ rất gân guốc, lạ hoá nhưng lại được bắt nguồn từ hiện thực:

Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc

Quân xanh màu lá dữ oai hùm

- Không mọc tóc, quân xanh màu lá đều là hậu quả của những trận sốt rét rừng khủng khiếp mà người nào cũng phải trải qua. Trong hồi ức của những người lính Tây Tiến trở về, đoàn quân tử vong vì sốt rét rừng nhiều hơn là vì đánh trận bởi rừng thiêng nước độc mà thuốc men không có.

- Quang Dũng không hề che giấu những gian khổ, khó khăn..., chỉ có điều nhà thơ không miêu tả một cách trần trụi. Hiện thực ấy được khúc xạ qua bút pháp lãng mạn của Quang Dũng, trở thành cách nói mang khẩu khí của người lính Tây Tiến, cách nói rất chủ động: không mọc tóc chứ không phải tóc không thể mọc vì sốt rét tạo nên nét dữ dội, ngang tàng, cứng cỏi của người lính Tây Tiến; cái vẻ xanh xao vì đói khát, vì sốt rét của những người lính qua ngòi bút Quang Dũng lại toát lên vẻ oai phong, dữ dằn của những con hổ nơi rừng thiêng quân xanh màu lá dữ oai hùm.

b) Ẩn sau ngoại hình ấy là sức mạnh nội tâm (hào hùng):

- Đoàn binh gọi lên sự mạnh mẽ lạ thường của "Quân đi điệp điệp trùng trùng" (Tố Hữu), của "tam quân tì hổ khí thôn ngưu" (ba quân mạnh như hổ báo nuốt trôi trâu) (Phạm Ngũ Lão).

- Dữ oai hùm là khí phách, tinh thần của đoàn quân ấy, như mang oai linh của chúa sơn lâm rừng thẳm

- Mất trùng là chi tiết cực tả sự giận dữ, phần nộ, sôi sục hướng về nhiệm vụ chiến đấu

=> Thủ pháp đối lập được sử dụng đặc địa trong việc khắc họa sự tương phản giữa ngoại hình ốm yếu và nội tâm mãnh liệt, dữ dội, ngang tàng.

c) Thế giới tâm hồn đầy mộng mơ thể hiện qua nỗi nhớ (lãng mạn):

Mắt trông gửi mộng qua biên giới

Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm

- Những người lính Tây Tiến không phải là những người khổng lồ không tim, bên trong cái vẻ oai hùng, dữ dằn của họ là những tâm hồn, những trái tim rạo rực, khát khao yêu đương “đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”. Dáng kiều thơm gợi vẻ đẹp yêu kiều, thướt tha thanh lịch của người thiếu nữ Hà thành, là cái đẹp hội tụ sắc nước hương trời. Những giấc mơ mang hình dáng kiều thơm đã trở thành động lực để giúp người lính vượt qua mọi khó khăn, gian khổ; đã thúc giục họ tiến lên phía trước; và cũng là sợi dây thiêng liêng của niềm tin mang họ vượt qua bom đạn trở về.

d) Lí tưởng, khát vọng:

Rải rác biên cương mồ viễn xứ

Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh

- Câu thơ thứ nhất nếu tách ra khỏi đoạn thơ sẽ là một bức tranh hết sức âm đạm:

+ Rải rác đây đó nơi biên cương của Tổ quốc, nơi rừng hoang lạnh lẽo xa xôi là những nấm mồ vô danh không một vòng hoa, không một nén hương tưởng niệm. Hai chữ “rải rác” gợi vẻ hiu hắt, quạnh quẽ thật âm đạm và thê lương.

+ Trong một câu thơ mà tác giả sử dụng tới hai từ Hán Việt biên cương, viễn xứ mang màu sắc trang trọng cổ kính như để bao bọc cho những nấm mồ xa xứ ấy một bầu không khí thiêng liêng đượm vẻ ngậm ngùi, thành kính.

- Mặc dù khung cảnh ấy hàng ngày vẫn trải ra trên các cung đường hành quân của người lính Tây Tiến nhưng nó không đủ sức làm các anh nản chí sờn lòng, mà trái lại càng nung nấu quyết tâm “Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh”.

+ Đời xanh là tuổi trẻ, là bao mơ ước, khát vọng đang ở phía trước. Nhưng không gì quý hơn Tổ quốc, không có tình yêu nào cao hơn tình yêu Tổ quốc. Nên hai chữ “chẳng tiếc” vang lên thật quyết liệt, dứt khoát như một lời thề chém đá.

e) Đoạn thơ khép lại bằng sự hi sinh của họ:

Áo bào thay chiếu anh về đất

Sông Mã gầm lên khúc độc hành

- Trong bài thơ, Quang Dũng không hề né tránh hiện thực khắc nghiệt, dữ dội. Trong chặng đường hành quân, nhiều người lính không thể vượt qua đã gục lên súng mũ bỏ quên đời. Dọc đường Tây Tiến cũng là vô vàn những năm mồ liệt sĩ mọc lên “Rải rác biên cương mồ viễn xứ”... Và bây giờ, một lần nữa tác giả nhắc đến sự ra đi của họ “Áo bào thay chiếu anh về đất”. Người lính Tây Tiến gục ngã bên đường không có đến cả mảnh chiếu để che thân, đồng đội phải đan cho họ những tấm nứa, tấm tranh...

- Thế nhưng tác giả đã cố gắng làm giảm đi tính chất bi thương của những mất mát:

+ Áo bào (áo mặc ngoài của các vị tướng thời xưa) đã khiến họ trở thành những chiến tướng sang trọng.

+ Về đất là cách nói giảm nói tránh, cái chết lại là sự tự nghĩa của những người anh hùng, thanh thản và vô tư sau khi đã làm tròn nhiệm vụ (liên hệ câu thơ của Tố Hữu: Thanh thản chết như cây xong thửa ruộng...)

+ Sông Mã gầm lên khúc độc hành vừa dữ dội vừa hào hùng, khiến cái chết, sự hi sinh của người lính Tây Tiến không bi lụy mà thấm đẫm tinh thần bi tráng. Sông Mã tấu lên bản nhạc dữ dội của núi rừng như loạt đại bác đưa tiễn những anh hùng của dân tộc về nơi vĩnh hằng.

2.3. Nghệ thuật

* Bút pháp lãng mạn và màu sắc bi tráng:

- Bút pháp lãng mạn ưa khám phá những vẻ đẹp dữ dội, phi thường, hay sử dụng thủ pháp đối lập mạnh mẽ. Bút pháp này chủ yếu được bộc lộ qua bốn câu thơ đầu. Tác giả nhiều lần viết về cái bi, sự mất mát, song buồn mà không uỷ mị, cúi đầu, mất mát mà vẫn cứng cỏi, gân guốc

- Màu sắc bi tráng chủ yếu được thể hiện trong 4 câu thơ còn lại. Cái bi hiện ra qua hình ảnh những năm mồ hoang lạnh dọc đường hành quân, người chiến sĩ hi sinh chỉ có manh chiếu tạm. Nhưng cái tráng của lí tưởng khát vọng cống hiến đời xanh cho Tổ quốc, của áo bào thay chiếu, của điệu kèn thiên nhiên gầm lên dữ dội đã nâng đỡ hình ảnh thơ và truyền cảm xúc bi tráng vào lòng người

3. Kết luận

- Khái quát và mở rộng vấn đề.

ĐỀ SỐ 2

I. ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Trên thế giới này có quá nhiều sách dạy con người tương tác và giao tiếp, dạy chúng ta làm thế nào để trở thành một “cao thủ thuyết phục”, chuyên gia đàm phán, nhưng lại không có sách nào dạy chúng ta làm thế nào để đối thoại với chính mình. Khi bạn bắt đầu hiểu được những thứ bên trong của bản thân, bạn sẽ nhận được sự tín nhiệm và yêu mến của người khác một cách rất tự nhiên. Nếu như không hiểu được chính mình,

bạn sẽ khiến nội tâm bị nhiễu loạn, làm nguy hại đến môi trường giao tiếp với mọi người. Sự tương tác giả dối với người khác sẽ là mầm họa lớn nhất khiến cho bạn tự trách mình và trách người, nó cũng là mầm mống tạo ra những giông bão cả phía bên trong và bên ngoài của bạn.

Sự đối nhân xử thế rất quan trọng! Nhưng bạn bắt buộc phải hiểu được chính mình, giao tiếp với chính mình, thì lúc đó bạn mới hiểu và tương tác lành mạnh với người khác. Biết được bản thân cần gì, bạn mới biết được người khác cần gì. Điều này sẽ giúp ích cho hành trình xuất phát lại từ đầu của sự nghiệp cũng như sự điều chỉnh lại trong gia đình, tất cả đều bắt đầu từ việc bạn buộc phải hiểu được chính mình!

(Lư Tô Vỹ, Con không ngốc, con chỉ thông minh theo một cách khác, NXB Dân trí, 2017, tr.206 – 207)

Câu 1: Theo tác giả, trên thế giới có quá nhiều loại sách nào và còn thiếu loại sách nào?

Câu 2: Cũng theo tác giả, chúng ta chỉ “nhận được sự tín nhiệm và yêu mến của người khác” khi nào?

Câu 3: Vì sao tác giả cho rằng, “biết được bản thân cần gì, bạn mới biết được người khác cần gì”?

Câu 4: Trong văn bản trên, tác giả đề cao việc “làm thế nào để đối thoại với chính mình”. Vì từ “đối thoại với chính mình” mới hiểu được mình để có cách ứng xử và hành động hợp lí.

Theo anh/chị, có thể coi đoạn văn sau trong tác phẩm Chí Phèo của Nam Cao là lời “đối thoại với chính mình” của Chí Phèo không? Sau những lời này, Chí Phèo có thực sự “hiểu được chính mình” không?

Hắn nhìn bát cháo hành bốc khói mà băng khuâng [...]. Thị Nở giục hắn ăn nóng. Hắn cầm bát cháo đưa lên mồm. Trời ơi cháo mới thơm làm sao! Chỉ khói xông vào mũi cũng đủ làm cho người nhẹ nhõm. Hắn húp một húp và nhận ra rằng: những người suốt đời không ăn cháo hành không biết rằng cháo hành ăn rất ngon. Nhưng tại sao mãi đến tận bây giờ hắn mới nếm mùi vị cháo.

Hắn tự hỏi rồi tự trả lời: Có ai nấu cho mà ăn đâu? Mà còn ai nấu cho mà ăn nữa!

(Trích Chí Phèo, Nam Cao, Ngữ văn 11, NXB Giáo dục 2007, tr.150)

II. LÀM VĂN

Câu 1.

Từ nội dung đoạn trích phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ bàn về ý nghĩa của việc hiểu mình và hiểu người.

Câu 2.

Để hiểu được thể loại văn học kịch, SGK Ngữ văn 11 (Bộ chuẩn, NXB Giáo dục 2007, Tr.110) cho rằng:

Tập trung chú ý vào lời thoại của các nhân vật.

Theo anh/chị, tại sao phải chú ý vào lời thoại của các nhân vật? Phân tích ý nghĩa cuộc đối thoại giữa hồn và xác trong vở kịch Hồn Trương Ba, da hàng thịt của Lưu Quang Vũ để trả lời câu hỏi trên.

---- HẾT ----

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 2

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1:

- Loại sách có nhiều: sách dạy con người tương tác và giao tiếp, dạy chúng ta làm thế nào để trở thành một “cao thủ thuyết phục”, chuyên gia đàm phán.
- Loại sách còn thiếu: dạy con người ta đối thoại với chính mình.

Câu 2:

- Khi “bạn bắt đầu hiểu được tất cả những thứ bên trong của bản thân” tức hiểu chính mình khi ấy sẽ nhận được sự tín nhiệm và yêu mến của mọi người.

Câu 3:

- “Biết được bản thân cần gì, bạn mới biết được người khác cần gì” vì: Thấu hiểu bản thân là điều vô cùng khó khăn, bởi chúng ta luôn có xu hướng tự che giấu, tự bao biện cho những mong muốn hoặc sai lầm của bản thân. Bởi vậy, chỉ khi thực sự hiểu bản thân cần gì, muốn gì thì khi ấy mới có thể hiểu người khác muốn gì.

Câu 4:

- Có thể coi đó là lời đối thoại của Chí Phèo với chính mình.
- Sau những lời thoại đó Chí Phèo đã hiểu bản thân hơn và hân khao khát được làm hòa với mọi người, hân thêm được sống lương thiện.

II. LÀM VĂN

Câu 1:

* Giới thiệu vấn đề

* Giải thích vấn đề

- Hiểu mình tức là hiểu bản thân mình có những điểm mạnh, điểm yếu gì để phát huy. Hiểu bản thân cần gì, muốn gì để từ đó có những phương hướng, hành động đúng đắn.

- Hiểu người là hiểu những suy nghĩ, cảm nhận của những người xung quanh mình để từ đó có những ứng xử sao cho phù hợp.

* Bàn luận vấn đề

- Ý nghĩa của việc hiểu mình và hiểu người.

+ Đối với bản thân, hiểu được chính mình là điều quan trọng và không dễ dàng thực hiện. Hiểu mình sẽ giúp phát huy năng lực, sở trường của bản thân, sửa chữa những mặt còn hạn chế. Hiểu được chính mình cũng giúp bạn xác định được mục tiêu, hướng đi đúng đắn cho bản thân.

+ Đối với người khác, việc hiểu được họ cũng có ý nghĩa quan trọng. Hiểu người khác sẽ giúp bạn có cách hành xử đúng mực. Thấu hiểu không chỉ là yếu tố để xây dựng và duy trì những mối quan hệ lành mạnh và tích cực, mà còn góp phần giúp con người làm việc hiệu quả hơn và thành công hơn trong cuộc sống. Không chỉ vậy còn khiến mọi người yêu quý, tôn trọng.

- Làm thế nào để hiểu bản thân và hiểu người khác.

+ Với bản thân: để hiểu chính mình cần chấp nhận sự thật và những chỉ trích từ những người xung quanh. Chấp nhận mình có điểm yếu kém để thay đổi. Chấp nhận chỉ trích để rút ra kinh nghiệm cho chính mình. Hiểu điểm mạnh để phát huy khả năng hơn nữa.

+ Với những người xung quanh: luôn luôn quan sát mọi người; biết lắng nghe những câu chuyện của họ; có cái nhìn bao dung, độ lượng cảm thông với lầm lỗi của những người xung quanh; chấp nhận sự khác biệt ở họ.

* Mở rộng vấn đề và liên hệ bản thân

Câu 2:

1. Mở bài

* Giới thiệu về tác giả Lưu Quang Vũ và tác phẩm Hồn Trương Ba, da hàng thịt và ý kiến trên

- Lưu Quang Vũ được đánh giá là một trong những nhà viết kịch tài năng nhất của văn nghệ Việt Nam hiện đại. Ông có công lớn góp phần vực dậy cả một nền sân khấu lúc đó đang có nguy cơ tụt hậu.

- Kịch của Lưu Quang Vũ hấp dẫn chủ yếu bằng xung đột trong cách sống và quan niệm sống, qua đó khẳng định khát vọng hoàn thiện nhân cách con người.

- Hồn Trương Ba, da hàng thịt là một trong số những tác phẩm kịch nổi tiếng của ông từng gây tiếng vang rất đặc biệt trên sân khấu nước nhà những năm đầu của công cuộc đổi mới. Ông viết vở kịch này từ năm 1981, đến năm 1984 vở kịch mới được công diễn và công diễn nhiều lần trên sân khấu trong nước và ngoài nước.

- Để hiểu được thể loại văn học kịch, có ý kiến cho rằng: Tập trung chú ý vào lời thoại của các nhân vật.

2. Mở bài

2.1. Giải thích ý kiến

- Kịch là là một bộ môn nghệ thuật sân khấu, một trong ba phương thức phản ánh hiện thực của văn học. Thuật ngữ này bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp có nghĩa là “hành động”, được bắt nguồn từ “I do”, là sự kết hợp giữa hai yếu tố bi và hài kịch.

- Mặc dù kịch bản văn học vẫn có thể đọc như các tác phẩm văn học khác nhưng chủ yếu để biểu diễn trên sân khấu. Đặc trưng của bộ môn nghệ thuật này là phải thể hiện cuộc sống bằng các hành động kịch, thông qua các xung đột tính cách xảy ra trong quá trình xung đột xã hội, được khái quát và trình bày trong một cốt truyện chặt chẽ với độ dài thời gian không quá lớn. Mỗi vở kịch thường chỉ trên dưới ba giờ đồng hồ và còn tùy kịch ngắn, kịch dài.

- Ngôn từ đối thoại biểu hiện sự giao tiếp qua lại (thường là giữa hai phía) trong đó sự chủ động và sự thụ động được chuyển đổi luân phiên từ phía bên này sang phía bên kia (giữa những người tham gia giao tiếp); mỗi phát ngôn đều được kích thích bởi phát ngôn có trước và là phản xạ lại phát ngôn có trước ấy. Phát ngôn trong kịch có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nó giúp chúng ta:

+ Phát hiện được tính cách, phẩm chất của mỗi nhân vật.

+ Ngôn ngữ kịch còn mang tính hành động tức là thứ ngôn ngữ mang đặc tính tranh luận biện bác tác động trực tiếp và thúc đẩy mâu thuẫn xung đột tăng tiến tạo kịch tính với những sắc thái tấn công phản công; thăm dò lảng tránh; chất vấn chối cãi; thuyết phục phủ nhận; cầu xin từ chối; đe dọa coi thường

- Do kịch là thể loại sân khấu nên ngôn ngữ đối thoại được sử dụng một cách dày đặc và là phương tiện để xây dựng nên nội dung của tác phẩm. Thông qua ngôn ngữ đối thoại, tính cách cũng như tâm lí của nhân vật được biểu hiện một cách rõ nét nhất.

=> Ý kiến trên khẳng định vai trò quan trọng của đối thoại trong kịch và phương tiện hữu hiệu nhất để tìm hiểu kịch là tìm hiểu đối thoại.

2.2. Phân tích ý nghĩa cuộc đối thoại giữa hồn và xác

a. Giới thiệu về nhân vật Trương Ba và bi kịch của ông

* Nhân vật Trương Ba

- Hiền đức, có tâm hồn cao khiết, sống mẫu mực: yêu vợ, thương con, quý cháu, tốt bụng với láng giềng,...

- Là người làm vườn chăm chỉ, khéo léo, có tình yêu cây cỏ, nâng niu từng cành cây ngọn cỏ.

- Chơi cờ rất giỏi, nước cờ khoáng hoạt, thâm sâu, dũng mãnh → khí chất, nhân cách con người.

* Bi kịch của ông

- Do sự tặc trách của Nam Tào, Bắc Đẩu: gạch sỏ nhảm → chết oan.

- Được sống lại: hồn Trương Ba, da hàng thịt → khập khiễng, trớ trêu, nghịch cảnh éo le → đối mặt với những đau khổ.

- Trương Ba bắt đầu nhận ra sự tha hóa và những bi kịch của bản thân.

+ Nhiễm thói xấu: ham uống rượu, thích bán thịt, không mặn mà với chơi cờ, những nước cờ của ông giờ thật “tì tiện” – tính cách con người ảnh hưởng.

+ Bị bọn trượng phu hoành hành.

+ Con trai không còn tôn trọng bố, muốn bán vườn để có vốn mở cửa hàng thịt, vì: ông Trương Ba bây giờ ăn 8,9 bát cơm chứ không phải 2,3 bát như xưa.

=> Chán chỗ ở không phải của mình, sợ thân thể kèn càng, thô lỗ của mình, muốn thoát khỏi nó dù chỉ một ít phút. “Ôm đầu một hồi lâu rồi đứng vụt dậy” → bế tắc, mất phương hướng, đau khổ tột cùng; căng thẳng, u uất, bức bách. “Đứng vụt dậy” – không chịu đựng được nữa, phải hành động để tự giải thoát mình. “Không, không, tôi không muốn sống như thế này mãi!” → khát vọng dôn tụ.

b. Phân tích đối thoại giữa hồn và xác

- Khi hồn muốn thoát khỏi xác:

+ Xác tuyên chiến trước bằng giọng nhạo báng, mỉa mai “ông không thoát ra khỏi tôi được đâu, hai ta đã hòa vào làm một rồi,...”.

+ Hồn: không tin “ta vẫn giữ được một đời sống riêng nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn...”, xác chỉ là xác thịt âm u, đui mù, lời nói của bản năng, của con thú, không chi phối được hồn.

+ Xác: phủ nhận: cảm xúc khi ông đứng cạnh vợ tôi, trước các món ăn, tát thẳng con ông tóa máu mồm, máu mũi,... → thô bạo.

+ Hồn: đổ tội cho xác “tại mày”

+ Xác: nhân nhượng, nhún nhường, ra vẻ buồn rầu, rủ Trương Ba tham dự trò chơi tâm hồn – đổ hết tội lỗi cho tôi để giữ sĩ diện của kẻ nhiều chữ với điều kiện phải chiều chuộng những đòi hỏi của xác.

+ Hồn: lời nói không đồng ý, về mặt bản thân chấp nhận, vì không thể làm khác → đuối lý, cuối cùng không nói nên lời, chỉ bật ra những lời đứt quãng.

=> Từ hăng hái, quyết liệt trở thành đuối lý, chủ động tách khỏi xác → bản thân nhập lại vào xác → thua cuộc.

- Xung hô: ta – mày → anh.

=> Hồn có phụ thuộc vào xác. Đó còn là cuộc đối thoại giữa hồn và xác, ý thức – bản năng trong mỗi chúng ta. Nếu chúng ta để phần bản năng chiến thắng → đánh mất phần người

=> Mỗi người phải biết đấu tranh hoàn thiện nhân cách và vươn tới những giá trị tốt đẹp.

c. Ý nghĩa cuộc đối thoại trên:

- Trước hết, ở góc độ Hồn Trương Ba, người đọc nhận ra khát vọng sống cao thượng, thánh thiện của con người, khi bị những cám dỗ vật chất phạm tục làm cho tha hoá, biến chất.

- Ở góc độ Xác hàng thịt, ta nhận ra những nếp nghĩ sai lầm của con người: đó là thói quen đề cao tinh thần mà coi thường vật chất, tự ru ngủ mình trong những giấc mơ cao thượng mà quên đi rằng, cần phải thiết lập mối quan hệ hoà hợp, gắn bó giữa chúng.

=> Như vậy, Hồn và Xác là những ẩn dụ nghệ thuật lớn, và cuộc đối thoại giữa Hồn và Xác là một tình huống kịch đặc sắc, tô đậm bi kịch “bên ngoài một đảng, bên trong một nẻo”, sự thiếu hài hoà, không thống nhất trên các phương diện: linh hồn và thể xác, vật chất và tinh thần, nội dung và hình thức, bản năng và lí tưởng, cao cả và tầm thường...ở mỗi con người.

- Kết thúc cuộc đối thoại, Hồn Trương Ba dần vật, đau đớn, hoang mang, tuyệt vọng trở về cuộc sống trái với chính mình. Chi tiết “Hồn Trương Ba bản thân nhập lại vào xác hàng thịt, ngồi lặng lẽ bên chõng” diễn tả cô đọng tính chất căng thẳng của xung đột kịch: mâu thuẫn không những không được giải quyết mà còn được đẩy lên đến một mức cao hơn.

d. Nhận xét:

- Như vậy qua cuộc đối thoại giữa hồn và xác ta có thể thấy được những phẩm chất, tính cách của mỗi nhân vật:

+ Hồn Trương Ba: là một người có tâm hồn cao khiết, thanh cao, luôn hướng đến cái đẹp, cái thiện.

+ Xác hàng thịt: là một người phạm phu tục tử, thích rượu ngon, thích gái đẹp

- Đồng thời qua lời đối thoại này đã đẩy kịch tính lên đỉnh điểm, hồn Trương Ba dần vật, đau đớn, tuyệt vọng “bản thân nhập lại vào xác hàng thịt, ngồi lặng lẽ bên chõng”, đến đây xung đột kịch tiếp tục đẩy lên cao trào và buộc phải giải quyết.

3. Kết luận

- Khái quát và mở rộng vấn đề.

ĐỀ SỐ 3

PHẦN I: ĐỌC – HIỂU (3 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu ở bên dưới:

Văn hóa là một phạm trù rất rộng. Có đến hàng trăm định nghĩa khác nhau. Cho nên, một cách hiểu về truyền thống văn hóa hay truyền thống nói chung không phải dễ nhất trí. Song có điều ai cũng thừa nhận



là truyền thống bao gồm nhiều lĩnh vực tinh thần và vật chất. Đó là những định chế, khế ước xã hội, đó là những chuẩn mực đạo lý, đó là những cái hẹp hơn, nhiều khi đó chỉ là một thứ lệ tục, một thói quen thuộc thang giá trị lâu đời,... Nhưng, tất cả đã ăn sâu vào đời sống tâm linh của mỗi dân tộc, mỗi cộng đồng xã hội và mỗi cá thể trong cộng đồng như một thứ bản lĩnh, bản năng chi phối hàng ngày, hàng giờ từng hành vi ứng xử của mỗi con người. Chính vì thế mà truyền thống có một sức mạnh bền vững, sâu sa trong tiềm thức và biến thành một thứ nội lực riêng, một bản sắc riêng của mỗi dân tộc, mỗi cộng đồng xã hội và mỗi cá thể trong xã hội... Cho nên, muốn truyền thống thực sự phát huy được sức mạnh trong xã hội ngày nay và mãi mãi về sau thì điều quyết định không chỉ có việc sưu tập, thống kê, biểu dương mà phải làm sao cho những thứ của chìm, những kho báu đó sống dậy, thực sự biến thành những tín niệm, những tình cảm, hành động của mỗi cá thể trong cộng đồng. Những bài học đạo lý bao đời nay được cha ông ta ghi truyền vào ca dao, vào lời hát ru của bà mẹ ngay từ tuổi ấu thơ của những con người Việt Nam. Và, dần dần nó đã trở thành những bài học luân lý, những tình cảm, những tín niệm chi phối sự ứng xử hàng ngày của mỗi con người. Những lời răn dạy của ông bà, cha mẹ, những mẫu chuyện gia đình, những hành vi thị phạm của người lớn dần dần thấm vào đời sống tinh thần của những đứa trẻ, những thanh thiếu niên của những gia đình được mang tiếng thơm là có gia phong. Và, trên đường đời, những đứa trẻ đó, những thanh thiếu niên, con đẻ của những gia đình có gia phong thường có sức tự đề kháng mạnh hơn hẳn những đứa trẻ khác...

Cùng với gia đình là nhà trường. Nhà trường là nơi có hiệu lực to lớn trong việc bảo tồn và phát huy truyền thống dân tộc. Nhưng nhiệm vụ của nhà trường không chỉ đóng khung trong những giờ luân lý, những lý thuyết công dân khô khan... Truyền thống nhân văn, đạo lý làm người, nghĩa tình trong gia đình, lòng ham học,... thông qua những câu chuyện truyền thống thấm thía được học từ tuổi thơ, có sức sống lâu bền trong hành trang làm người của mỗi thành viên trong cộng đồng.

(Trích Truyền thống – của chìm của mỗi dân tộc, dẫn theo Bài tập Ngữ Văn 12, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, trang 42 – 43)

Câu 1 (0.5 điểm): Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2 (0.5 điểm): Tác giả bài viết Truyền thống – của chìm của mỗi dân tộc có cách hiểu thế nào về truyền thống?

Câu 3 (1.0 điểm): Theo tác giả, làm thế nào để truyền thống thực sự phát huy được sức mạnh trong xã hội ngày nay và mãi mãi về sau?

Câu 4 (1.0 điểm): Anh/ chị hiểu thế nào về ý kiến cho rằng truyền thống là của chìm, là kho báu của mỗi dân tộc?

PHẦN II: LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm): Từ nội dung đoạn trích phần Đọc – hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về sức mạnh của truyền thống trong xã hội ngày nay.

Câu 2 (5.0 điểm):

Dẫu xuôi về phương bắc
Dẫu ngược về phương nam
Nơi nào em cũng nghĩ
Hướng về anh – một phương

Ở ngoài kia đại dương
Trăm ngàn con sóng đó
Con nào chẳng tới bờ
Dù muôn vời cách trở

Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức.

(Sóng – Xuân Quỳnh, SGK Ngữ Văn 12, NXBGD, trang 115 – 116)

Anh/chị hãy cảm nhận đoạn thơ trên để thấy được vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu.

---- HẾT ----

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 3

PHẦN I: ĐỌC – HIỂU

Câu 1:

- Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên: nghị luận.

Câu 2:

- Tác giả bài viết Truyền thống – của chòm của mỗi dân tộc có cách hiểu về truyền thống là truyền thống bao gồm nhiều lĩnh vực tinh thần và vật chất. Đó là những định chế, khế ước xã hội, đó là những chuẩn mực đạo lý, đó là những cái hẹp hơn, nhiều khi đó chỉ là một thứ lệ tục, một thói quen thuộc thang giá trị lâu đời,... tất cả đã ăn sâu vào đời sống tâm linh của mỗi dân tộc, mỗi cộng đồng xã hội và mỗi cá thể trong cộng đồng như một thứ bản lĩnh, bản năng chi phối hàng ngày, hàng giờ từng hành vi ứng xử của mỗi con người.

Câu 3:

- Theo tác giả, để truyền thống thực sự phát huy được sức mạnh trong xã hội ngày nay và mãi mãi về sau cần phải làm sao cho những thứ của chòm, những kho báu đó sống dậy, thực sự biến thành những tín niệm, những tình cảm, hành động của mỗi cá thể trong cộng đồng. Tác giả có đưa ra:

+ Học tập cha ông, truyền bài dạy về truyền thống vào những câu hát ru, bài ca dao; những đứa trẻ được nghe ngay từ nhỏ. Dần dần những truyền thống đó ngấm vào tinh thần trở thành những bài học luân lý, những tình cảm và tín niệm trong mỗi con người chi phối cách ứng xử.

+ Nhà trường có vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy truyền thống. Cần truyền bài học truyền thống qua những câu chuyện truyền thống mà con người được thấm thía từ tuổi thơ.

Câu 4:

- Truyền thống là của chòm, là kho báu của mỗi dân tộc có thể được hiểu như sau:

+ Truyền thống là của chòm: Truyền thống đã ăn mình, ăn sâu vào đời sống tâm linh của mỗi dân tộc, mỗi cộng đồng xã hội và mỗi cá thể trong cộng đồng như một thứ bản lĩnh, bản năng chi phối hàng ngày, hàng giờ từng hành vi ứng xử của mỗi con người.

+ Truyền thống là kho báu: truyền thống có một sức mạnh bền vững, sâu sa trong tiềm thức, truyền thống mang một thứ nội lực riêng, một bản sắc riêng của mỗi dân tộc, mỗi cộng đồng xã hội và mỗi cá thể trong xã hội.

PHẦN II: LÀM VĂN

Câu 1:

* Giới thiệu vấn đề.

* Giải thích vấn đề.

- Truyền thống là đức tính, tập quán, tư tưởng, lối sống,... được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác và được bảo tồn, phát huy.

- Sức mạnh của truyền thống chính là những mặt tích cực mà những giá trị truyền thống đem lại cho cá nhân và xã hội.

* Phân tích vấn đề.

- Truyền thống có sức mạnh vô cùng lớn đối với cá nhân và xã hội.

+ Đối với mỗi cá nhân, nếu được nuôi dưỡng bằng những truyền thống tốt đẹp, mỗi cá nhân sẽ có cách sống, lối ứng xử đẹp và văn minh.

+ Đối với toàn xã hội: Khi những truyền thống tốt đẹp được nuôi dưỡng trong mỗi cá nhân trong xã hội thì xã hội đó sẽ bớt đi những tệ nạn, con người trong xã hội sẽ biết sống một cách văn minh với nhau. Trong những hoàn cảnh nhất định, khi truyền thống được nuôi dưỡng đủ lớn, được phát huy đúng thời điểm, nó sẽ giúp quốc gia, dân tộc đó bước qua những thời kì khó khăn và đạt được những bước tiến lớn.

- Tại sao truyền thống lại có sức mạnh lớn như vậy?

+ Truyền thống là những tinh hoa được ông cha ta đúc kết từ bao đời.

+ Truyền thống được nuôi dưỡng tức là nó đã ăn sâu, ngấm vào cả đời sống tinh thần lẫn vật chất của mỗi cá nhân.

- Dẫn chứng :

+ Truyền thống yêu nước của nhân dân ta.

+ Truyền thống “Thương người như thể thương thân”.

+ Truyền thống hiếu học.

...

- Nếu truyền thống không được nuôi dưỡng trong mỗi cá nhân, mỗi một cộng đồng thì coi như cộng đồng đó không có chỗ để nương tựa, để bầu vùi.

- Làm thế nào để phát huy được sức mạnh truyền thống:

+ Cần có thái độ tôn trọng với những giá trị truyền thống tốt đẹp.

+ Tổ chức các lễ hội truyền thống để gìn giữ những nét văn hóa.

+ Trong nhà trường cần giáo dục về truyền thống thông qua những bài học, những câu chuyện.

* Bàn luận, mở rộng.

- Phê phán những hành động đi ngược lại những giá trị truyền thống.

* Bài học liên hệ bản thân.

- Anh/chị đã có những hoạt động nào thể hiện việc phát huy sức mạnh truyền thống?

* Kết luận.

- Sức mạnh truyền thống là vô cùng to lớn với mỗi cá nhân, cộng đồng. Chúng ta cần có thái độ, nhận thức đúng đắn để phát huy những giá trị truyền thống, xây dựng xã hội tốt đẹp, văn minh.

Câu 2:

I. Mở bài

* Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm:

- Xuân Quỳnh là cây bút xuất sắc của nền văn học Việt Nam hiện đại và là một trong số những nhà thơ tiêu biểu nhất của thế hệ các nhà thơ trẻ thời kì chống Mỹ.

- Thơ Xuân Quỳnh là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên tươi tắn, vừa chân thành đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng về hạnh phúc bình dị đời thường.

- Sóng là một trong những thi phẩm đặc sắc của nữ sĩ.

- Đoạn thơ trên không chỉ cho ta thấy những cung bậc cảm xúc trong tình yêu qua thế giới cảm nhận của tác giả mà còn cho thấy vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu.

II. Thân bài

1. Giới thiệu khái quát về tác phẩm Sóng

* Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ:

- Sóng được sáng tác năm 1967 trong chuyến đi thực tế ở vùng biển Diêm Điền (Thái Bình), là một bài thơ đặc sắc viết về tình yêu, rất tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Quỳnh.

- Bài thơ được in trong tập Hoa dọc chiến hào (1968).

2. Phân tích đoạn trích

* Nỗi nhớ da diết, cháy bỏng trong tình yêu → khát vọng yêu thương chân thành:

- Khổ năm động lại một chữ “nhớ”. Nỗi nhớ gắn với không gian “dưới lòng sâu”, “trên mặt nước”, với “bờ”; nó bao trùm cả thời gian “ngày đêm không ngủ được”, và xâm chiếm tâm hồn con người, ngay cả trong vô thức “Lòng em nhớ đến anh/ Cả trong mơ còn thức”. Một tiếng “nhớ” mà nói được nhiều điều. Em đã hoá thân vào sóng. Sóng đã hoà nhập vào tâm hồn em để trở nên có linh hồn thao thức.

- Đây là khổ duy nhất trong bài có đến 6 câu thơ, sự phá cách ấy đã góp phần diễn tả sự trào dâng mãnh liệt của nỗi nhớ trong tình yêu.

* Sự thủy chung son sắt trong tình yêu:

- Khổ 6 là tiếng nói thủy chung son sắt trong tình yêu:

“Dẫu xuôi về phương Bắc

...

Hướng về anh – một phương”

- Các danh từ chỉ hướng “Bắc – Nam” đã gợi ra sự xa cách. Cách nói ngược xuôi Bắc, ngược Nam dường như đã hàm chứa trong nó những éo le, diễn tả những thường biến của cuộc đời.

- Đối lập lại với cái thường biến ấy là sự bất biến “Nơi nào em cũng nghĩ/ Hướng về anh – một phương”. Với cô gái đang yêu, dường như không còn khái niệm phương hướng địa lý mà chỉ còn một phương duy nhất – “phương anh”.

=> Tiếng lòng thủy chung son sắt, khẳng định tình yêu bất biến, trường tồn với thời gian.

* Niềm tin vào tình yêu và cuộc đời

- Khổ 7 thể hiện niềm tin của tác giả vào tình yêu và cuộc đời.

- Xuân Quỳnh đã soi chiếu vào sóng để tìm ra sự tương đồng giữa lòng em và sóng.

- Cặp hình ảnh ẩn dụ “sóng – bờ” ở đây được sử dụng rất mới mẻ dù đã được nói đến nhiều trong ca dao, thơ cũ. Nếu trong ca dao, sóng/ thuyền/đò là ẩn dụ cho người con trai, bờ/bến ẩn dụ cho người con gái; thì ở đây “sóng” lại là hình ảnh của người con gái, “bờ” là niềm hạnh phúc sum vầy

- Cách nói đối lập “Dù” và đảo cấu trúc “Con nào chẳng tới bờ/ Dù muôn vời cách trở” thay vì “Dù muôn vời cách trở/ Con nào chẳng tới bờ” khiến câu thơ như một tiếng dặn lòng: luôn phải vượt lên, đứng trên những khó khăn, trắc trở để gìn giữ hạnh phúc của mình.

- Như vậy, trong khổ thơ, ta không chỉ thấy vẻ đẹp của một tình yêu mãnh liệt, thủy chung mà còn thấy được sự chủ động đầy mạnh mẽ của người con gái khi yêu.

3. Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ khi yêu

- Nỗi nhớ vô biên, tuyệt đích của một tình yêu chân thành, mãnh liệt. _Luôn luôn thủy chung trong tình yêu.

- Dù trải qua nhiều đắng cay, đổ vỡ trong tình yêu, nhưng người phụ nữ ấy vẫn hồn nhiên, tha thiết yêu đời, vẫn ấp ủ hi vọng và niềm tin vào hạnh phúc tương lai.

4. Đánh giá

- Qua hình tượng song với nhiều trạng thái phức tạp, những cung bậc tình cảm của người phụ nữ đang yêu được thể hiện sinh động và cụ thể. Đồng thời qua đó ta cũng thấy một tình yêu chân thành, mãnh liệt, đầy nữ tính và nhân văn.

* Nội dung, nghệ thuật:

- Bằng ngôn ngữ tinh tế, gợi cảm; thể thơ 5 chữ cô đọng, hàm súc và hình tượng sống, bài thơ diễn tả tình yêu của người phụ nữ thiết tha, nồng nàn, chung thủy, muốn vượt lên thử thách của thời gian và sự hữu hạn của đời người. Qua đó ta thấy được tình yêu là một thứ tình cảm cao đẹp, là hạnh phúc lớn lao của con người.

III. Kết bài

- Với thể thơ 5 chữ âm điệu nhịp nhàng, dào dạt như những đợt sóng biển, sóng lòng bồi hồi da diết; hình ảnh thơ mộc mạc, giàu ẩn dụ, nhân hóa tài hoa nhà thơ Xuân Quỳnh đã cho người đọc thấy được những cung bậc cảm xúc trong tình yêu và vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ khi yêu.

- Bài thơ để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng nhiều thế hệ độc giả.

ĐỀ SỐ 4

PHẦN I: ĐỌC – HIỂU

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

(1) Ứng xử là thái độ, hành vi, lời nói thích hợp trong quan hệ giao tiếp giữa người với người, giữa người với thiên nhiên. Thuật ngữ văn hóa đặt trước ứng xử có nghĩa là tô đậm chiều cao phẩm chất, chiều rộng quan hệ của người ứng xử. Có con người là có cách ứng xử giữa họ với nhau, giữa họ với môi trường sống. Nhưng văn hóa ứng xử được hình thành từ khi văn minh phát triển ở một cấp độ nào đó nhằm diễn đạt cách ứng xử con người đối với thiên nhiên, đối với xã hội và đối với chính mình,...

(2)...Ở các nền văn hóa khác nhau có hệ chuẩn không giống nhau, nhưng vẫn có giá trị chung. Đó là sống có lý tưởng, trung với nước, hiếu với cha mẹ, tình thương đối với đồng bào, trung thực với bạn bè, giữ chữ tín trong mọi quan hệ. Trong văn hóa phương Đông, Khổng Tử khuyên mọi người tu tâm dưỡng tính với sáu chữ: nhất nhật tam tỉnh ngô thân. Đối với người Nhật, nhân cách văn hóa được công thức hóa: thiện, ích, đẹp. Nước ta coi trọng mục tiêu giá trị: chân, thiện, mỹ. Ở châu Âu, người ta nói tính cách, khi bàn giá trị nhân cách tiêu biểu dân tộc. Tính cách Nga được thể hiện ở lòng đôn hậu, tình thủy chung, nghĩa cử quốc tế cao cả. Khẩu hiệu tri thức là sức mạnh được nhiều nước tư bản châu Âu viện dẫn và ảnh hưởng tới hành động đã mấy trăm năm.. Bí quyết hàng đầu của người Do Thái là sự trọng học, đề cao vai trò của trí tuệ, tôn sùng học vấn và tài năng. Để con gái lấy được học giả, hoặc lấy được con người là học giả làm vợ thì không tiếc tài sản. Tuy nhiên, họ cũng coi tri thức mà thiếu thực tiễn chẳng khác nào chú lừa chỉ biết thò trên lưng sách vở,...

(Trích “Văn hóa ứng xử, nói thêm những điều cần nói”, Hồ Sĩ Vịnh, Tạp chí Văn học Nghệ thuật, số 332, tháng 2 – 2012)

Câu 1. Xác định thao tác lập luận chính được sử dụng trong đoạn (2).

Câu 2. Theo tác giả, “ở các nền văn hóa khác nhau có hệ quy chuẩn không giống nhau, nhưng vẫn có giá trị chung” là gì?

Câu 3. Nội dung chính của đoạn trích.

Câu 4. Anh/Chị có đồng tình với ý kiến: “...tri thức mà thiếu thực tiễn chẳng khác nào cú lừa chỉ biết thò trên lưng sách vở,...”. Vì sao?

PHẦN II. LÀM VĂN

Câu 1:

Từ nội dung đoạn trích phần Đọc – hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ngôn ngữ giao tiếp của các bạn trẻ trong giai đoạn hiện nay.

Câu 2:

Về hình tượng Sông Đà trong tùy bút “Người lái đò sông Đà” của Nguyễn Tuân, có ý kiến cho rằng: Sông Đà hiện lên như một nhân vật sống động có hai nét tính cách: hung bạo và trữ tình.

Bằng cảm nhận hình tượng Sông Đà, anh/chị hãy bình luận ý kiến trên.

---- HẾT ----

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 4

PHẦN I: ĐỌC – HIỂU

Câu 1:

- Thao tác lập luận chính trong đoạn (2): So sánh.

Câu 2:

- Giá trị chung đó là: Sống có lý tưởng, trung với nước, hiếu với cha mẹ, tình thương với đồng bào, trung thực với bạn bè, giữ chữ tín trong mọi quan hệ.

Câu 3:

- Nội dung chính của đoạn trích: Mặc dù văn hóa ứng xử của các dân tộc trên thế giới đều giống nhau ở điểm mọi dân tộc đều sống có lý tưởng, trung với nước, hiếu với cha mẹ, tình thương với đồng bào, trung thực với bạn bè, giữ chữ tín trong mọi quan hệ nhưng ở mỗi dân tộc lại có những hệ quy chuẩn riêng. Sống có văn hóa và ứng xử có văn hóa là nét đẹp của con người.

Câu 4:

- Đồng ý với ý kiến đó.

- Vì: Tri thức mới chỉ là những thứ tồn tại trên sách vở, chưa được áp dụng vào thực tiễn, chưa có ích đối với con người và xã hội. Tri thức chỉ thực sự có ích khi nó được áp dụng vào thực tế, đem lại những hiệu quả trong cuộc sống của con người.

PHẦN II: LÀM VĂN

Câu 1:

* Giới thiệu vấn đề.

* Giải thích vấn đề.

- Ngôn ngữ là hệ thống tín hiệu để con người tư duy, trao đổi thông tin và thiết lập các mối quan hệ trong xã hội.

- Giao tiếp là hoạt động trao đổi thông tin giữa người nói và người nghe nhằm đạt được một mục đích nào đó. Ngôn từ giao tiếp là ngôn từ được giới trẻ sử dụng một cách phổ biến để trao đổi thông tin, tình cảm với nhau. Chúng có những đặc điểm khác biệt so với ngôn ngữ giao tiếp chung.

* Phân tích vấn đề.

- Thực trạng việc sử dụng ngôn ngữ giao tiếp của giới trẻ hiện nay:

+ Ngôn ngữ giao tiếp của giới trẻ có xu hướng lệch chuẩn văn hóa.

+ Học sinh ngày càng khó khăn trong quá trình sử dụng ngôn từ trong việc thể hiện những quan điểm, tư tưởng của bản thân. Không chỉ vậy học sinh còn sử dụng không đúng chức năng ngôn ngữ, lối giao tiếp còn thô lỗ, thiếu lịch sự.

+ Học sinh sử dụng quá nhiều tiếng lóng, tiếng bồi trong giao tiếp, làm mất đi sự trong sáng, vẻ đẹp vốn có của tiếng Việt.

- Nguyên nhân:

+ Quá trình hội nhập quốc tế, sự phát triển công nghệ thông tin, không thể phủ nhận rằng chúng đem lại cho tiếng Việt một lượng từ lớn nhưng bên cạnh đó cũng để lại không ít hệ lụy.

+ Giới trẻ chưa ý thức đúng được việc sử dụng tiếng Việt, sử dụng tùy tiện, cầu thả, thiếu trách nhiệm làm cho ngôn ngữ giao tiếp bị xáo trộn, dung tục.

- Chứng minh:

+ Thay vì nói “đồng ý” họ dùng “okie”, “tình yêu” thành “tênh iu”,...

+ Tạo thành ngữ vô nghĩa: “Chán như con gián” , “buồn như con chuồn chuồn”,...

+ Lối nói, viết nửa tây nửa ta dung tục: “”bye nhé”, 4U (for you),...

+ Lối viết tắt: “k0 bjt” “lm j tke”, “dzay là zui rồi đó”,...

- Hệ quả của việc sử dụng ngôn ngữ tùy tiện:

+ Làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt.

+ Khó khăn trong việc diễn đạt một câu, một ý hoàn chỉnh trong giao tiếp.

+ Làm ảnh hưởng tới văn hóa ứng xử của con người. Khi những từ ngữ tốt đẹp không còn được sử dụng hoặc sử dụng không đúng chức năng thay vào đó là lớp từ với kết cấu ngữ pháp lỏng lẻo, thiếu trong sáng, cùng với cách sử dụng ngôn ngữ tùy tiện làm cho câu nói không biểu đạt được hết ý nghĩa của nó, hoặc đem đến những hàm nghĩa tiêu cực.

+ Việc sử dụng ngôn ngữ giao tiếp thiếu chuẩn mực có thể nảy sinh những hiện tượng bạo lực trong cuộc sống. Chỉ vì một lời nói tắt, một câu nói tối nghĩa gây hiểu nhầm, xích mích là đã gây ra xung đột. Theo thống kê, hơn 60 vụ đánh nhau hiện nay đều do liên quan đến vấn đề lời nói.

- Giải pháp:

+ Bố mẹ cần làm gương cho con cái, trong quá trình sử dụng ngôn ngữ cần phải dùng đúng chuẩn mực, uốn nắn lại con khi có những hiện tượng lệch chuẩn ngôn ngữ.

+ Nhà trường giáo dục để học sinh ý thức được việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt là rất quan trọng và cần thiết.

+ Bản thân mỗi bạn học sinh phải biết tự trau dồi, rèn luyện tiếng Việt. Tiếp thu và sử dụng tiếng nước ngoài có chọn lọc, đúng chuẩn mực.

* Bài học

- Mỗi học sinh cũng như tất cả mọi người phải có ý thức rèn luyện ngôn ngữ giao tiếp. Luôn vận dụng đúng đắn cách phương tiện giao tiếp để bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt. Đặc biệt là với các bạn học sinh cần có ý thức rèn luyện theo những chuẩn mực tốt đẹp, sử dụng ngôn ngữ đúng, đủ và hay, tiếp thu trên tinh thần chọn lọc.

Câu 2:

1. Mở bài

- Giới thiệu tác giả Nguyễn Tuân

- Giới thiệu tác phẩm Người lái đò sông Đà

- Dẫn dắt vấn đề cần nghị luận

2. Thân bài

2.1. Con sông hung bạo:

a) Sự hung bạo thể hiện ở cảnh đá bờ sông dựng vách thành:

- Hình ảnh “mặt sông chỗ ấy chỉ lúc đúng ngọ mới có mặt trời” đã gợi ra được độ cao và diễn tả được cái lạnh lẽo, âm u của khúc sông.
- Hình ảnh so sánh “vách đá thành chẹt lòng Sông Đà như một cái yết hầu” đã diễn tả sự nhỏ hẹp của dòng chảy gợi ra lưu tốc rất lớn nhất là vào mùa nước lũ với bao nhiêu nguy hiểm rình rập.
- Bằng liên tưởng độc đáo, Nguyễn Tuân đã tiếp tục khắc sâu ấn tượng về độ cao của những vách đá, sự lạnh lẽo, u tối của đoạn sông và sự nhỏ hẹp của dòng chảy “ngồi trong khoang đò qua quãng ấy, đang mùa hè mà cũng thấy lạnh, cảm thấy mình như đứng ở hè một cái ngõ mà ngóng vọng lên một khung cửa sổ nào trên cái tầng nhà thứ mấy nào vừa tắt phụt đèn điện”.

b) Sự hung bạo thể hiện ở ghềnh đá “quãng mặt ghềnh Hát Loóng”

- Nhân hóa con sông như một kẻ chuyên đi đòi nợ thuê: dữ dằn, gắt gao, tàn bạo.
- Điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc (nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió) được hỗ trợ bởi những thanh trắc liên tiếp đã tạo nên âm hưởng dữ dội, nhịp điệu khẩn trương, dồn dập như vừa xô đẩy, vừa hợp sức của sóng, gió và đá khiến cho cả ghềnh sông như sôi lên, cuộn chảy dữ dằn, tạo nên một mối đe dọa thực sự đối với bất kì người lái đò nào “quãng này mà khinh suất tay lái thì cũng dễ lật ngửa bụng thuyền ra”.

c) Sự hung bạo thể hiện ở những “cái hút nước” chết người:

- Sự khủng khiếp, hung bạo:

+ Được tái hiện từ các góc nhìn khác nhau: từ trên nhìn xuống mặt nước sông “giống như cái giếng bê tông thả xuống sông để chuẩn bị làm móng cầu”; từ dưới lòng sông nhìn ngược lên “thành giếng xây toàn bằng nước sông xanh ve một áng thủy tinh khối đúc dày, khối pha lê xanh như sắp vỡ tan ụp vào...”

+ Được cảm nhận từ các vị thế trải nghiệm khác nhau:

> Vị thế của người quay phim “ngồi vào một cái thuyền thúng tròn vành rồi cho cả thuyền cả mình cả máy quay xuống đáy cái hút sông Đà...”

> Vị thế của người xem phim “thấy mình đang lấy gân ngồi giữ chặt ghế như ghì lấy mép một chiếc lá rừng bị vút vào một cái cốc pha lê nước khổng lồ vừa rút lên cái gậy đánh phèn...”

+ Được cảm nhận bằng các giác quan khác nhau: thị giác là những hình ảnh liên tưởng độc đáo và mới lạ; thính giác: lúc thì “nước ở đây thở và kêu như cửa cống cái bị sặc”, lúc thì “nước ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào”

- Giải pháp: “Không thuyền nào dám men gần những cái hút nước ấy, thuyền nào qua cũng chèo nhanh để lướt quãng sông, y như là ô tô sang số ấn ga cho nhanh để vút qua một quãng đường mượn cạp ra ngoài bờ vực. Chèo nhanh và tay lái cho vững mà phóng qua cái giếng sâu...”

=> Đó chính là sự minh chứng rõ nhất cho mức độ nguy hiểm tột cùng của những cái hút nước.

- Hậu quả khủng khiếp mà những cái hút nước gây ra:

+ “Nhiều bè gỗ rừng đi nghênh ngang vô ý là những cái giếng hút ấy nó lôi tuột xuống”

+ “Có những thuyền đã bị cái hút nó hút xuống, thuyền trồng ngay cây chuối ngược rồi vụt biến đi, bị dìm và bị đi ngằm dưới lòng sông đến mười phút sau mới thấy tan xác ở khuỷnh sông dưới”

d) Sự hung bạo thể hiện ở chiến trường sông Đà

* Dấu hiệu đầu tiên là âm thanh tiếng nước thác: Âm thanh phong phú: lúc thì nghe như là oán trách, lúc như van xin, khi thì khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo, đặc biệt có lúc rống lên gầm thét những âm thanh cuồng nộ, ghê sợ để trấn áp con người.

* Các trùng vi thạch trận:

- Trùng vi thạch trận thứ nhất

+ Đó là “cả một chân trời đá”, “mặt hòn đá nào trông cũng ngổ ngược, hòn nào cũng nhẵn nhúm méo mó hơn cả cái mặt nước chỗ này”.

+ Đá ở con thác này biết bày binh bố trận như Binh pháp Tôn Tử, gồm năm cửa trận, trong đó “có bốn cửa tử một cửa sinh, cửa sinh nằm lập lờ phía tả ngạn sông”.

+ Cửa sinh lại chia làm ba tuyến- tiền vệ, trung vệ, hậu vệ- đòi ăn chết con thuyền đơn độc.

Khi thạch trận bày xong, đá phối hợp với nước thác dữ dội và nham hiểm

- Trùng vi thạch trận thứ hai

+ Khúc sông này càng tăng thêm nhiều cửa tử để đánh lừa con thuyền, và cũng chỉ có một cửa sinh. Cửa sinh ấy lại không kém phần nguy hiểm khi “thằng đá tướng đứng chiến ở cửa vào”

+ Phối hợp với đá là “dòng thác hùm beo đang hồng hộc té mạnh (lao nhanh) trên sông đá”

+ Cùng với đó là bốn năm bọn thủy quân cửa ải nước bên bờ xô ra, đòi “núm thuyền lôi vào tập đoàn cửa tử”.

- Trùng vi thạch trận thứ ba

Ít cửa ra vào, “bên phải bên trái đều là luồng chết cả”, chỉ có một luồng sống lại “ở ngay giữa bọn đá hậu vệ của con thác”

2.2. Con sông trữ tình:

a) Góc nhìn từ trên cao (máy bay), Sông Đà mang vẻ đẹp của một mỹ nhân

* Từ trên cao nhìn xuống, dòng chảy uốn lượn của con sông giống như “cái dây thừng ngoằn ngoèo dưới chân mình”, đặc biệt là giống như mái tóc của người thiếu nữ “con sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân”.

- Dòng sông mang vẻ đẹp của một áng tóc trữ tình mềm mại, tha thướt và duyên dáng.

- Vẻ đẹp của dòng sông hài hòa với núi rừng Tây Bắc, được núi rừng điểm tô thêm cho nhan sắc mỹ miều.

* Nhìn ngắm sông Đà từ nhiều thời gian khác nhau, tác giả đã phát hiện ra những sắc màu tươi đẹp và đa dạng của dòng sông. Màu nước biến đổi theo mùa, mỗi mùa có vẻ đẹp riêng trong cách so sánh rất cụ thể:

- Mùa xuân, nước Sông Đà xanh màu “xanh ngọc bích”, tươi sáng, trong trẻo, lấp lánh.

- Mùa thu, nước Sông Đà lại “lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về”.

- Đặc biệt, nhà văn khẳng định chưa bao giờ con sông có màu đen như thực dân Pháp đã “đè ngựa con sông ta ra đổ mực Tây vào”, và gọi bằng cái tên lếu láo Sông Đen.

b) Góc nhìn từ bờ bãi sông Đà, dòng sông mang vẻ đẹp của một “cổ nhân”

- Vẻ đẹp của nước Sông Đà gợi nhớ đến một trò chơi của con trẻ “trước mắt thấy loang loáng như trẻ con nghịch chiếu gương vào mắt mình rồi bỏ chạy”, đẹp một cách hồn nhiên và trong sáng

- Vẻ đẹp của nắng sông Đà lại gợi nhớ đến thế giới Đường thi “tôi nhìn cái miếng sáng lóe lên một màu nắng tháng ba Đường thi “Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu”” (Xuôi thuyền về Dương Châu giữa tháng ba, mùa hoa khói).

- Vẻ đẹp của bờ bãi sông Đà lại gợi nhớ đến thế giới thần tiên trong khu vườn cổ tích “bờ sông Đà, bãi sông Đà, chuồn chuồn bươm bướm trên sông Đà”.

=> Nhà văn đã cảm nhận được cái chất “đằm đằm ẩm ẩm” thân thuộc khi gặp lại sau một thời gian “ở rừng đi núi đã hơi lâu”.

c) Góc nhìn từ giữa lòng sông Đà, con sông mang vẻ đẹp của một người tình nhân:

- Đó là vẻ đẹp tĩnh lặng, yên ả, thanh bình như còn lưu lại dấu tích của lịch sử cha ông.

- Đó là vẻ đẹp tươi mới, tràn trề nhựa sống, như bắt đầu một mùa nảy lộc sinh sôi.

- Đó còn là vẻ đẹp hoang sơ, cổ kính

=> Cảnh đẹp trữ tình đã gợi cảm hứng cho thi ca bao đời. Vẻ đẹp ấy đã cùng với sông Đà chảy qua không gian, thời gian, và đặc biệt là chảy qua cả những áng thơ ca bao đời, thơ Nguyễn Quang Bích rồi Tản Đà... để trở thành bất tử. Trong cái nhìn của thi sĩ Tản Đà, Sông Đà đã trở thành “một người tình nhân chưa quen biết”.

2.3. Đánh giá:

* Nghệ thuật xây dựng hình tượng:

- Tác phẩm cũng cho thấy sự tài hoa và uyên bác của Nguyễn Tuân. Vốn sống phong phú và trí tưởng tượng dồi dào đã giúp nhà văn tạo nên những trang viết hết sức độc đáo và có giá trị nghệ thuật cao.
- Nhà văn cũng đã thể hiện tài năng điêu luyện của một người nghệ sĩ ngôn từ.

* Ý nghĩa của hình tượng Sông Đà:

- Sông Đà hiện lên qua những trang văn của NT không chỉ thuần túy là thiên nhiên, mà còn là một sản phẩm nghệ thuật vô giá.

=> Qua đây tác giả cũng kín đáo thể hiện tình cảm yêu nước tha thiết và niềm say mê, tự hào với thiên nhiên của quê hương xứ sở mình.

- Hình tượng sông Đà còn có ý nghĩa là phong nền cho sự xuất hiện và tôn vinh vẻ đẹp của con người - người lái đò trên dòng sông.

3. Kết bài

- Khái quát và mở rộng vấn đề.

ĐỀ SỐ 5

I. PHẦN ĐỌC HIỂU

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi nêu bên dưới:

Có bao giờ chúng ta yêu thế gian này như yêu ngôi nhà có bếp lửa ấm áp của mình không? Có bao giờ chúng ta yêu nhân loại như yêu một người máu thịt của mình không? Chúng ta đã từng nói đến việc làm sao trở thành những công dân toàn cầu. Danh từ công dân toàn cầu rất dễ làm cho những ai đó lầm tưởng về một siêu nhân trong khía cạnh nào đấy. Nhưng bản chất duy nhất của một công dân toàn cầu là một người biết yêu thương thế gian này và luôn tìm cách cải biến thế gian. Có thể sẽ có những công dân kêu lên đầy bất lực: Ta chỉ là một sinh linh nhỏ bé làm sao ta có thể yêu thương và che chở cho cả một thế gian rộng lớn nhường kia! Việc yêu thương và che chở cho cả thế gian có phải là một ước mơ hay một nhân cách hảo huyền không? Không. Đó là một hiện thực và đó là một nguyên lí. Khi một con người yêu thương chân thực mảnh đất con người đó đang đứng dù chỉ vừa hai bàn chân thì người đó đã yêu cả trái đất này. Khi bạn yêu một cái cây bên cạnh bạn thì bạn yêu mọi cái cây trên thế gian. Khi bạn yêu thương một

con người bên cạnh thì bạn đang yêu cả nhân loại. Và khi tất cả những con người dù nhỏ bé đến đâu yêu thương người bên cạnh thì tình yêu thương ấy sẽ ngập tràn thế gian này.

... Hãy cứu thế gian này khỏi những hận thù ích kỉ, những vô cảm và giá lạnh bằng những hành động cụ thể của mỗi con người đang sống trong thế gian này. Đây là tiếng kêu khẩn thiết và đầy tình thương yêu và trách nhiệm của biết bao con người đang sống trong thế gian này.

(Trích Cần một ngày hòa giải để yêu thương, dẫn theo <http://www.tuanvietnamnet>, ngày 7/9/2010)

Câu 1. Theo văn bản, phẩm chất cốt lõi của một công dân toàn cầu là gì?

Câu 2. Chỉ ra và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 3. Văn bản trên sử dụng thao tác lập luận nào khi bàn về bản chất duy nhất của công dân toàn cầu?

Câu 4. Anh/chị thử đưa ra một định nghĩa khác về công dân toàn cầu.

II. PHẦN LÀM VĂN

Câu 1.

Thế hệ trẻ Việt Nam cần làm gì để trở thành công dân toàn cầu?

Anh(chị) hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) để trả lời câu hỏi trên.

Câu 2.

Cảm nhận của anh/chị về hai đoạn thơ sau:

Tôi muốn tắt nắng đi
Cho màu đừng nhạt mất;
Tôi muốn buộc gió lại
Cho hương đừng bay đi.

(Vội vàng – Xuân Diệu, Ngữ văn 11, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, tr22)

Làm sao được tan ra
Thành trăng con sóng nhỏ
Giữa biển lớn tình yêu
Để ngàn năm còn vỗ.

(Sóng, Xuân Quỳnh, Ngữ văn 12, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, tr 156)

---- HẾT ----

ĐÁP ÁN ĐỀ SỐ 5

I. ĐỌC – HIỂU

Câu 1:

- Phẩm chất cốt lõi của một “công dân toàn cầu” là: “Một người biết yêu thế gian này và luôn tìm cách cải biến thế gian”.

Câu 2:

Học sinh có thể lựa chọn các biện pháp tu từ khác nhau miễn là đúng với nội dung bài: So sánh, Điệp ngữ, Câu hỏi tu từ:

- So sánh: Có bao giờ chúng ta yêu thế gian này như yêu ngôi nhà có bếp lửa ấm áp của mình không? Có bao giờ chúng ta yêu nhân loại như yêu một người máu thịt của mình không?

- Điệp cấu trúc:

+ Có bao giờ chúng ta yêu thế gian...? Có bao giờ chúng ta yêu nhân loại ...?

+ Khi một con người yêu thương chân thực mảnh đất con người đó đang đứng ... Khi bạn yêu một cái cây bên cạnh bạn.... Khi bạn yêu thương một con người bên cạnh ...

- Câu hỏi tu từ: Có bao giờ ?...

- Tác dụng: Nhấn mạnh vai trò, ý nghĩa của tình yêu thương.

Câu 3:

Thao tác lập luận được sử dụng khi bàn về “bản chất duy nhất của công dân toàn cầu”: Bác bỏ.

Câu 4:

- Công dân toàn cầu là những người có thể sống và làm việc ở một hay nhiều quốc gia khác nhau, họ có thể vượt qua những ranh giới về không gian, thời gian, văn hóa,... Nhưng những công việc mà họ làm phải mang lại lợi ích cho cộng đồng toàn cầu.

- Công dân toàn cầu là công dân có kiến thức nền tảng về các vấn đề văn hóa nhân loại, có thể giao lưu học tập, làm việc ở bất cứ quốc gia nào, có khả năng hòa nhập với người dân trên khắp thế giới, có năng lực giải quyết các vấn đề chung của toàn nhân loại: bảo vệ môi trường, chống chiến tranh, đẩy lùi dịch bệnh...

II. LÀM VĂN

Câu 1:

1. Giải thích

- Công dân toàn cầu: Công dân toàn cầu là những người có thể sống và làm việc ở một hay nhiều quốc gia khác nhau, họ có thể vượt qua những ranh giới về không gian, thời gian, văn hóa,...Nhưng những công việc mà họ làm phải mang lại lợi ích cho cộng đồng toàn cầu

2. Phân tích, bàn luận vấn đề

- Cần làm những gì để trở thành công dân toàn cầu:

+ Để trở thành một công dân toàn cầu chúng ta cần phải xây dựng nền tảng tri thức phổ thông vững chắc, có hiểu biết về các nền văn hóa khác nhau trên thế giới.

+ Có những kỹ năng thiết yếu như: kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, kỹ năng tự học, sáng tạo...trong đó năng lực tiếng Anh, năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông là điều quan trọng nhất.

+ Bồi dưỡng những phẩm chất đạo đức mạng tính cốt lõi: lòng tự trọng, tinh thần yêu nước, tinh thần trách nhiệm, lòng yêu thương, khát vọng thay đổi, ...

+ Công dân toàn cầu có thể hòa nhập với thế giới nhưng vẫn giữ được bản sắc của dân tộc mình. Đây là một thách thức lớn với giới trẻ trong xu hướng hội nhập với thế giới.

- Phê phán những người vì chưa hiểu đúng về khái niệm công dân toàn cầu mà sẵn sàng đánh mất bản sắc dân tộc, biểu dương những con người lao động không mệt mỏi để cống hiến cho dân tộc, cho đất nước, cho nhân loại..

3. Bài học liên hệ:

- Công dân toàn cầu là ước mơ của người Việt trẻ cũng như mọi công dân trên thế giới này. Trở thành công dân toàn cầu là phù hợp với xu thế chung của thế giới. Phấn đấu để thực hiện mong muốn đó bằng những hành động, việc làm thiết thực.

Câu 2:

1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm

- Xuân Diệu là cây bút xuất sắc của phong trào Thơ mới. Ông được giới trẻ tán phong là "ông hoàng của thơ tình yêu" bởi đã đem vào thơ tình một quan niệm đầy đủ, toàn diện, một cách thể hiện mới mẻ, phong phú đặc biệt là sự diễn đạt chân thực và táo bạo về tình yêu. Xuân Diệu đem đến cho thơ hiện đại Việt Nam một giọng điệu thiết tha, sôi nổi.

- Vội vàng được in trong tập Thơ thơ (1938). Thi phẩm đầu tay này ngay lập tức vinh danh Xuân Diệu như một đại biểu tiêu biểu nhất của phong trào thơ Mới.

- Xuân Quỳnh là gương mặt tiêu biểu thuộc thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mỹ. Thơ Xuân Quỳnh là tiếng lòng của một phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên tươi tắn, vừa chân thành đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng về hạnh phúc bình dị đời thường.

- Sóng (1967) là bài thơ đặc sắc viết về tình yêu, tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Quỳnh.

2. Phân tích

2.1 Đoạn thơ trong bài thơ Vội Vàng của Xuân Diệu bộc lộ một cái tôi sôi nổi, vô vấp và giàu khát vọng.

- Mở đầu đoạn thơ, ta thấy sự lên tiếng trực tiếp của cái tôi khao khát đến mãnh liệt: tôi muốn – điệp từ lặp lại hai lần.

- Năng, gió là hiện tượng của tự nhiên nhưng ở đây tác giả lại muốn tắt nắng, buộc gió → muốn đoạt quyền tạo hóa, thay đổi tự nhiên.

- Mục đích: cho màu đừng nhạt, hương đừng bay → giữ lại hương sắc cho cuộc đời, muốn vĩnh cửu hóa cái đẹp.

- Điệp từ đừng → cầu xin khẩn thiết, cầu xin tạo hóa đừng lại những khả năng vô biên để cuộc sống mãi mãi tươi đẹp như hiện tại.

=> Xuân Diệu vô cùng nhạy cảm trước bước đi của thời gian cho nên thi sĩ khát vọng chiếm lấy quyền năng của tạo hóa để vũ trụ ngừng quay, thời gian ngừng trôi, để thi nhân tận hưởng những phút giây đẹp nhất của đời người. Đây cũng chính là một khát vọng rất nhân văn.

- Thể thơ ngũ ngôn giàu nhịp điệu góp phần diễn tả tự nhiên khát vọng của nhà thơ, cả đoạn thơ giống như một lời bộc bạch.

2.2. Đoạn thơ trong bài thơ Sóng của Xuân Quỳnh thể hiện cái tôi đầy khao khát.

- Khát vọng được hóa thành trăm con sóng nhỏ, khát vọng được tan thành trăm con sóng nhỏ là khát vọng được cho đi và dâng hiến bởi có một nghịch lí trong tình yêu là "Hạnh phúc thật sự chỉ đến khi bạn dám mạnh dạn cho đi chứ không phải nắm giữ thật chặt" (Christopher Hoare). "Tan ra" không phải là tan biến đi mà là để còn mãi.

- Khát vọng muốn hòa nhập tình yêu của mình để ngàn năm còn vỗ. Đây là khát vọng muốn được vĩnh cửu hóa, bất tử hóa tình yêu.

- Nghệ thuật:

+ Thể thơ năm chữ giàu nhịp điệu, âm hưởng của những con sóng biển

+ Sử dụng phép nhân hóa, so sánh.

2.3. So sánh



- Giống nhau: đều sử dụng thể thơ ngũ ngôn giàu nhịp điệu, đều thể hiện được khát vọng mãnh liệt, cháy bỏng về tình yêu với cuộc đời.
- Khác nhau: khát vọng trong Sóng là khát vọng của tình yêu lứa đôi, là khao khát dâng hiến đến tận cùng. Còn trong Vội Vàng thì thể hiện một quan niệm sống : sống vội vàng, sống giục giã, cuống quýt, phải tận hưởng vì thời gian đi qua tuổi trẻ sẽ không còn.

3. Kết luận

- Khái quát và mở rộng vấn đề.

www.hoc247.net



Vững vàng nền tảng, Khai sáng tương lai

Website **HOC247** cung cấp một môi trường **học trực tuyến** sinh động, nhiều **tiện ích thông minh**, nội dung bài giảng được biên soạn công phu và giảng dạy bởi những **giáo viên nhiều năm kinh nghiệm, giỏi về kiến thức chuyên môn lẫn kỹ năng sư phạm** đến từ các trường Đại học và các trường chuyên danh tiếng.

I. Luyện Thi Online

Học mọi lúc, mọi nơi, mọi thiết bị – Tiết kiệm 90%

- **Luyện thi ĐH, THPT QG:** Đội ngũ **GV Giỏi, Kinh nghiệm** từ các Trường ĐH và THPT danh tiếng xây dựng các khóa **luyện thi THPTQG** các môn: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh, Vật Lý, Hóa Học và Sinh Học.
- **Luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán:** Ôn thi **HSG lớp 9** và **luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán** các trường **PTNK, Chuyên HCM (LHP-TĐN-NTH-GĐ), Chuyên Phan Bội Châu Nghệ An** và các trường Chuyên khác cùng TS. Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Trịnh Thanh Đèo và Thầy Nguyễn Đức Tấn.

II. Khoá Học Nâng Cao và HSG

Học Toán Online cùng Chuyên Gia

- **Toán Nâng Cao THCS:** Cung cấp chương trình Toán Nâng Cao, Toán Chuyên dành cho các em HS THCS lớp 6, 7, 8, 9 yêu thích môn Toán phát triển tư duy, nâng cao thành tích học tập ở trường và đạt điểm tốt ở các kỳ thi HSG.
- **Bồi dưỡng HSG Toán:** Bồi dưỡng 5 phân môn **Đại Số, Số Học, Giải Tích, Hình Học** và **Tổ Hợp** dành cho học sinh các khối lớp 10, 11, 12. Đội ngũ Giảng Viên giàu kinh nghiệm: TS. Lê Bá Khánh Trình, TS. Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Lưu Bá Thắng, Thầy Lê Phúc Lữ, Thầy Võ Quốc Bá Cẩn cùng đội HLV đạt thành tích cao HSG Quốc Gia.

III. Kênh học tập miễn phí

HOC247 NET cộng đồng học tập miễn phí
HOC247 TV kênh Video bài giảng miễn phí

- **HOC247 NET:** Website học miễn phí các bài học theo **chương trình SGK** từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn học với nội dung bài giảng chi tiết, sửa bài tập SGK, luyện tập trắc nghiệm miễn phí, kho tư liệu tham khảo phong phú và cộng đồng hỏi đáp sôi động nhất.
- **HOC247 TV:** Kênh **Youtube** cung cấp các Video bài giảng, chuyên đề, ôn tập, sửa bài tập, sửa đề thi miễn phí từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn Toán- Lý - Hoá, Sinh- Sử - Địa, Ngữ Văn, Tin Học và Tiếng Anh.